

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày: 06/3/2024

*“V/v tranh chấp về Hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Bà Nguyễn Thị Phương Hồng
Các Hội thẩm nhân dân:	Ông Trần Văn Hải
	Ông Bùi Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 06/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 723/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023, về việc *“Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-DS ngày 02/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-DS ngày 21/02/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1967;
Đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Hồ Văn Th, sinh năm 1970;
Cùng địa chỉ thường trú: Ấp 1, xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;

Cùng địa chỉ tạm trú: Số A, đường P, Tổ 30, Khóm 4, Phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà A, đường L, Tổ B, Khóm 2, Phường 4, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T ủy quyền cho ông Hồ Văn Th trình bày:

Ngày 28/12/2021, ông L vay của bà T số tiền 13.000.000 triệu đồng, có làm biên nhận với lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 4 tháng, đến ngày 18/4/2022

là đúng hạn trả tiền vốn và lãi. Mục đích vay tiêu dùng (ông L nói bỏ sung vốn làm bánh bò).

Đã quá thời hạn thanh toán tiền nhưng ông L hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả lại tiền vốn và lãi cho bà T.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông L trả cho bà số tiền vay gốc là 13.000.000 đồng và tính lãi theo mức lãi suất Nhà nước quy định là 1,66%/tháng. Thời gian tính từ ngày 28/12/2021 đến ngày xét xử là hơn 25 tháng, nhưng chỉ tính là 25 tháng: $13.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng} = 5.395.000 \text{ đồng}$. Vậy tổng số tiền ông L phải trả là 18.395.000 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi ông L trả xong nợ.

* Bị đơn Phạm Văn L vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử không rõ lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn L nhưng ông Phạm Văn L không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Văn L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu ông L trả cho bà T số tiền vốn 13.000.000 đồng và lãi là 5.395.000 đồng, theo mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi ông L trả xong nợ.

[2.2] Về tài liệu chứng cứ bà T xuất trình: Hợp đồng cho vay tiền ngày 28/12/2021. Ông Th trình bày Hợp đồng cho vay tiền ngày 28/12/2021, nội dung thông tin bên vay, chữ ký và viết họ tên Phạm Văn L là do ông L tự ghi, nội dung biên nhận thể hiện ông L có vay số tiền 13.000.000 đồng của bà T, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả là 28/4/2022. Từ khi vay đến nay ông L chưa trả vốn và lãi cho bà T. Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông L phải có nghĩa vụ trả tiền vốn vay 13.000.000 đồng cho bà T. Đối với yêu

cầu của bà T yêu cầu ông L phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.3] Đối với bị đơn ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa vẫn vắng mặt, nên ông L đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh đã thanh toán khoản nợ gốc, lãi như thế nào cho bà T.

[2.4] Như Hội đồng xét xử phân tích trên, yêu cầu của bà T là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự, Điều 5, Điều 6, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*" nên chấp nhận.

Cụ thể, ông L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền:

Vốn là 13.000.000 đồng.

Tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng. Từ ngày 28/12/2021 đến ngày xét xử là 25 tháng (tính tròn tháng):

$13.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng} = 18.395.000 \text{ đồng}.$

[3] **Án phí:** Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do ông L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 18.395.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $18.395.000 \text{ đồng} \times 5\% = 920.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*"; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T.

2/ Buộc ông Phạm Văn L trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền vay gốc là 13.000.000 đồng + tiền lãi là 5.395.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 18.395.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: ông Phạm Văn L phải chịu 920.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí sơ thẩm, bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 444.000 đồng theo biên lai thu số 0000220 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng